

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Giữa chị Vàng Thị I và anh Lầu A D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ

2. Ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Thào A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Vàng Thị I, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: anh Lầu A D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Vàng Thị I và các biên bản xác minh ngày 22/7/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: chị Vàng Thị I trình bày Chị và anh Lầu A D chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 08/01/2014 do UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp. Hôn nhân tự nguyện, cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ tháng 8/2015 lý do anh D mua bán trái phép chất ma túy bị bắt đi tù, kinh tế khó khăn chị phải mang con về nhờ cậy bố mẹ đẻ nuôi dưỡng, đến tháng 9/2021 anh D chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, chị cùng các con về sống với anh D tại bản T, xã P nhưng tình cảm vợ chồng không còn như xưa, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn vì kinh tế khó khăn, đình đám vào ngày 19/9/2021 hai bên tự viết giấy ly hôn, giao trách nhiệm nuôi con, chia tài sản của vợ chồng có sự chứng kiến đại diện nội ngoại hai bên. Sau khi viết giấy tự

ly hôn hai bên đã lấy vợ, lấy chồng mới theo phong tục, không còn ở với nhau. Nay, chị Vàng Thị I đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo đúng thủ tục pháp luật để chị có căn cứ đăng ký kết hôn với người khác.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Vàng Thị I trình bày, chị và anh Lầu A D có hai con chung là cháu Lầu Thị M, sinh ngày 24/12/2012 và Lầu A C sinh ngày 02/11/2015. Chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng với lập luận: Mặc dầu theo văn bản tự thỏa thuận ly hôn ngày 19/9/2021 anh D là người được trực tiếp nuôi hai con, nhưng nội dung viết như vậy không đúng với ý chí nguyện vọng của chị, chị bị ép buộc phải ghi như vậy vì theo phong tục dân tộc Mông tại địa phương nếu chị muốn ly hôn chồng thì phải để các con cho chồng nuôi. Mặt khác, hiện tại chị đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con kể từ tháng 7/2022 đến nay do sau một thời gian anh D trực tiếp nuôi con, đến tháng 7 anh D đi xuống miền xuôi làm ăn, gửi hai con lại cho anh trai Lầu A T, trú tại bản T, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nuôi thì chị đã đến trao đổi mang các con về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại các con đang được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; chị đủ sức khỏe, điều kiện nuôi cả hai con; các con đều có mong muốn được ở với mẹ. Do đó, chị mong muốn được trực tiếp nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh Lầu A D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung, nợ riêng: Chị I không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lầu A D: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến phiên tòa hôm nay, mặc dầu bị đơn anh Lầu A D đã được Tòa án thông báo cho biết về yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị I nhưng anh D không có văn bản trả lời Tòa án, không liên hệ Tòa án làm việc theo đúng quy định pháp luật. Qua tài liệu chứng cứ thu thập thể hiện anh D vẫn thường trú tại bản T, xã P, huyện Đ, ngày 07/07/2022 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án Tòa án gửi qua bưu điện, ngày 27/7/2022 Tòa án xác minh người thân của anh D cho biết hiện tại anh D đi làm ăn ở dưới miền xuôi không rõ địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng như thông báo phiên họp công khai chứng cứ; thông báo kết quả công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 12/9/2022 theo đúng quy định của pháp luật nhưng đến phiên tòa hôm nay anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, lợi ích được bảo vệ: Cháu Lầu Thị M và Lầu A C có văn bản và lời khai thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn chị Vàng Thị I đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84,

Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị I cho chị I được ly hôn với anh Lầu A D; Giao hai con Lầu Thị M, sinh 24/12/2012 và Lầu A C, sinh 02/11/2015 cho chị Vàng Thị I trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị I.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa hôm nay: Ngày 12/9/2022 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa xét xử nhưng bị đơn anh Lầu A D vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 thông báo cho anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lầu A D vẫn vắng mặt không có lý do, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị I thấy rằng:

Giữa chị Vàng Thị I và anh Lầu A D có sống chung với nhau từ năm 2012 đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng sự thật, tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, UBND xã P, huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 08/01/2014 là đúng quy định của pháp luật. Do đó có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị Vàng Thị I và anh Lầu A D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ từ thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 08/01/2014).

Tuy nhiên, xét tình trạng hôn nhân giữa chị Vàng Thị I và anh Lầu A D thấy rằng: trong cuộc sống hôn nhân giữa chị I và anh D có mâu thuẫn như chị I trình bày trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay; lời trình bày của chị I phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án ngày 27/7/2022 thể hiện từ sau ngày 19/9/2021 khi hai bên tự viết giấy ly hôn cả hai không cùng sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau mà mỗi người đều đi sống với người khác cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị I và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị I cho được ly hôn với anh Lầu A D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Các đương sự có hai con chung là cháu Lầu Thị M, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Lầu A C sinh ngày 02/11/2015 chưa thành niên nên theo quy định của pháp luật cần phải được bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên do bố mẹ ly hôn nên việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cần phải xem xét đảm bảo

quyền lợi tốt nhất cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: mặc dù giữa chị Vàng Thị I và anh Lầu A D có văn bản thỏa thuận ngày 19/9/2021 giao hai con cho anh Lầu A D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tuy nhiên xét thực tế có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 27/7/2022 thấy rằng anh Lầu A D hiện đang vắng mặt tại địa phương, các cháu được anh D gửi cho anh trai Lầu A T chăm sóc một thời gian hiện nay chị Vàng Thị I mẹ đẻ các cháu đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; mặc khác xét thấy các cháu còn tuổi rất nhỏ, từ khi sinh ra đến nay luôn được chị Vàng Thị I là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Lầu A D đi chấp hành án từ năm 2015 đến 2021 các cháu vẫn do mẹ đẻ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Mặc khác các cháu đều có lời khai thể hiện mong muốn được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo được điều kiện chăm sóc, quyền lợi tốt nhất cho các cháu cần chấp nhận giao các cháu Lầu Thị M và Lầu A C cho chị Vàng Thị I được trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý theo Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị I đã được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị I không yêu cầu do đó Tòa án không xem xét.

Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung; Nợ chung, nợ riêng của vợ chồng*: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị Vàng Thị I có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị I

[6] Như vậy, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Vàng Thị I được ly hôn với anh Lầu A D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lầu Thị M, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Lầu A C sinh ngày 02/11/2015 cho chị Vàng Thị I trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Lầu A D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị I được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vàng Thị I được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27 /9 /2022). Anh Lầu A D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Đ;
- UBND xã P, huyện Đ
- Tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga